

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo tiến sĩ đợt 1 năm 2017

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội thông báo tuyển sinh đào tạo tiến sĩ đợt 1 năm 2017 vào các ngày **22 và 23/4/2017** như sau:

1. Điều kiện dự tuyển

1.1. Điều kiện văn bằng:

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần đáp ứng một trong các điều kiện về văn bằng và công trình đã công bố như sau:

- Có bằng thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu hoặc có luận văn thạc sĩ với khối lượng từ 10 tín chỉ trở lên chuyên ngành đúng hoặc phù hợp hoặc gần chuyên ngành đăng kí dự tuyển;

- Có bằng thạc sĩ theo định hướng thực hành chuyên ngành đúng hoặc phù hợp hoặc gần chuyên ngành đăng kí dự tuyển và có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển;

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự tuyển. Trong trường hợp này, thí sinh phải có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển và phải dự tuyển theo chế độ như người chưa có bằng thạc sĩ;

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, loại giỏi trở lên và có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển;

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, loại khá và có ít nhất hai bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự tuyển và được công bố trên Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, các tạp chí khoa học có uy tín cấp quốc gia, quốc tế hoặc trong tuyển tập công trình (có phản biện) của Hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế được xuất bản chính thức, có chỉ số ISSN.

Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

1.2. Điều kiện về kinh nghiệm công tác: theo quy định của chương trình đào tạo.

1.3. Các điều kiện khác:

a) Có lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

b) Được giới thiệu từ ít nhất hai nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ cùng chuyên ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu, trong đó có một nhà khoa học nhận hướng dẫn luận án (cần ghi rõ trong thư);

c) Có một bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó cần trình bày rõ ràng về lí do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, lí do lựa chọn đơn vị đào tạo, mục tiêu nghiên cứu, kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo. Bài luận cũng cần nêu những kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn mà thí sinh đã chuẩn bị và dự kiến kế hoạch hoạt động khoa học của thí sinh sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ.

d) Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, Nhà trường sẽ xem xét và quyết định tùy theo tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học;

e) Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

2. Chính sách ưu tiên

2.1. Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng kí dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 (theo bảng phân chia khu vực tuyển sinh

THPT quốc gia hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2.2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 01 điểm (thang điểm 10) cho môn thi cơ bản hoặc 15 điểm (thang điểm 150) cho môn thi đánh giá năng lực.

3. Tổ chức tuyển sinh

3.1. Yêu cầu về ngoại ngữ đối với người dự tuyển:

Người dự tuyển phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau đây:

- Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi cơ sở được ĐHQGHN công nhận.

- Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

3.2. Đánh giá hồ sơ chuyên môn

Hồ sơ chuyên môn được Tiểu ban chuyên môn đánh giá và cho điểm trên cơ sở: Kết quả học tập ở bậc thạc sĩ hoặc cử nhân; thành tích nghiên cứu khoa học (qua bài báo và giải thưởng khoa học); năng lực ngoại ngữ (qua các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế); ý kiến đánh giá và ủng hộ trong hai thư giới thiệu; bài luận về dự định nghiên cứu; và phần trình bày của thí sinh;

3.3. Đối với thí sinh dự tuyển đào tạo tiến sĩ theo chế độ của người chưa có bằng thạc sĩ, ngoài các yêu cầu về hồ sơ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ như trên phải tham dự và đạt yêu cầu các môn thi cơ bản hoặc đánh giá năng lực và môn thi cơ sở của trình độ thạc sĩ tương ứng. Các môn thi được quy định tùy theo chuyên ngành (*Xem Phụ lục 1*).

4. Thời gian và chỉ tiêu tuyển sinh

- Tập trung thí sinh: Sáng ngày 22/4/2017

- Lịch thi (Đối với thí sinh dự tuyển theo chế độ của người chưa có bằng thạc sĩ):

Chiều ngày 22/4/2017: thi môn Cơ bản hoặc Đánh giá năng lực

Sáng ngày 23/4/2017: thi môn Cơ sở

- Đánh giá hồ sơ chuyên môn: Từ 25/04/2017 đến 09/05/2017

- Công bố kết quả tuyển sinh: Trước 12/5/2017

- Thông báo triệu tập thí sinh trúng tuyển: tháng 6/2017; khai giảng: tháng 12/2017 (dự kiến)

- Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến): 44 nghiên cứu sinh

5. Đăng ký dự tuyển

Thí sinh truy cập vào cổng đăng ký tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự thi trực tuyến theo hướng dẫn. Đồng thời, thí sinh phải nộp bản cứng hồ sơ theo quy định của đơn vị (nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện). Thời gian khai báo thông tin trực tuyến và nhận hồ sơ (nếu hồ sơ chuyên qua đường bưu điện sẽ tính theo dấu bưu điện): từ 8h00 ngày 27/03/2017 đến 17h00 ngày 09/04/2017. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.

- Chuyển lệ phí tuyển sinh theo quy định vào tài khoản của đơn vị hoặc nộp trực tiếp bằng tiền mặt tại đơn vị.

6. Lệ phí dự thi

Các khoản lệ phí tuyển sinh theo Thông tư 40/2015/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 27/3/2015 của

Liên Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh) và hướng dẫn hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Thí sinh chuyển lệ phí tuyển sinh theo quy định vào tài khoản của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên số: 22210000586899 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Thanh Xuân hoặc nộp trực tiếp bằng tiền mặt tại Trường.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Phòng Sau đại học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQGHN (Tầng 4, nhà T1, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội).

Điện thoại: 04. 35578435, Fax: 04. 38583061, E-mail: saudaihoc@hus.edu.vn.

**Phụ lục 1 – Các chuyên ngành đào tạo tiên sĩ
tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – ĐHQGHN**

TT	Tên chuyên ngành	Mã số	Môn thi cơ bản	Môn thi cơ sở	Chi tiêu
Khoa Toán- Cơ - Tin học:					
1	Toán giải tích	62460102	Đại số	Giải tích	1
2	Phương trình vi phân và tích phân	62460103	Đại số	Giải tích	1
3	Đại số và lý thuyết số	62460104	Đại số	Giải tích	1
4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	62460106	Đại số	Giải tích	1
5	Cơ sở toán cho tin học	62460110	Cơ sở toán cho tin học	Giải tích <i>hoặc</i> Tin học cơ sở	1
6	Toán ứng dụng	62460112	Đại số	Giải tích	1
7	Cơ học vật rắn	62440107	Toán cho cơ học	Cơ học đại cương	1
8	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	62440103	Giải tích cho vật lý	Cơ sở cơ học lượng tử	1
9	Vật lý chất rắn	62440104	Giải tích cho vật lý	Cơ sở cơ học lượng tử	1
10	Vật lý vô tuyến và điện tử	62440105	Giải tích cho vật lý	Cơ sở cơ học lượng tử	1
11	Vật lý nguyên tử	62440106	Giải tích cho vật lý	Cơ sở cơ học lượng tử	1
12	Quang học	62440109	Giải tích cho vật lý	Cơ sở cơ học lượng tử	1
13	Vật lý địa cầu	62440111	Giải tích cho vật lý	Cơ sở cơ học lượng tử	1
14	Vật lý nhiệt*		Giải tích cho vật lý	Cơ sở cơ học lượng tử	1
15	Hoá vô cơ	62440113	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	1
16	Hoá hữu cơ	62440114	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	1
17	Hoá dầu	62440115	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	1
18	Hoá phân tích	62440118	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	1
19	Hoá lý thuyết và hóa lí	62440119	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	1
20	Hoá môi trường	62440120	Đánh giá năng lực	CSLT hoá học và cấu tạo chất	1
21	Nhân chủng học	62310302	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	1
22	Động vật học	62420103	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	1
23	Sinh lý học người và động vật	62420104	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	1
24	Côn trùng học	62420106	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	1
25	Vì sinh vật học	62420107	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	1
26	Thủy sinh vật học	62420108	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	1
27	Thực vật học	62420111	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	1
28	Hoá sinh học	62420116	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	1
29	Mô - phôi và tế bào học	62420117	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	1
30	Sinh thái học	62420120	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	1
31	Di truyền học	62420121	Đánh giá năng lực	Sinh học cơ sở	1
32	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý	62440214	Đánh giá năng lực	Địa lí đại cương	1
33	Địa lý tự nhiên	62440217	Đánh giá năng lực	Địa lí đại cương	1
34	Quản lý tài nguyên và môi trường	62850101	Đánh giá năng lực	Các khoa học trái đất	1
35	Quản lý đất đai	62850103	Đánh giá năng lực	Cơ sở địa chính	1
36	Địa chất học	62440201	Đánh giá năng lực	Địa chất đại cương	1
37	Khoáng vật học và địa hóa học	62440205	Đánh giá năng lực	Địa chất đại cương	1
38	Khí tượng và khí hậu học	62440221	Đánh giá năng lực	Khí tượng đại cương	1
39	Thủy văn học	62440224	Đánh giá năng lực	Thủy văn đại cương	1
40	Hải dương học	62440228	Đánh giá năng lực	Hải dương học	1
41	Khoa học môi trường	62440301	Đánh giá năng lực	Cơ sở khoa học môi trường	1
42	Môi trường đất và nước	62440303	Đánh giá năng lực	Cơ sở khoa học môi trường	1
43	Khoa học đất	62620103	Toán cao cấp thống kê	Cơ sở khoa học đất	1
44	Môi trường và phát triển bền vững**		Đánh giá năng lực	Cơ sở khoa học môi trường	1

Ghi chú: Chi tiêu tuyển sinh theo từng chuyên ngành có thể được điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế.

** Chuyên ngành đang được Đại học Quốc gia Hà Nội đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo điều chỉnh phù hợp với Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV ban hành theo thông tư 04/2012/TT-BGDĐT.*

***Chuyên ngành đào tạo thí điểm.*

Phụ lục 2 – Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học tại ĐHQGHN

1. Chứng chỉ B1

STT	Cơ sở đào tạo	Chứng chỉ B1 được công nhận				
		<i>Tiếng Anh</i>	<i>Tiếng Nga</i>	<i>Tiếng Pháp</i>	<i>Tiếng Trung</i>	<i>Tiếng Đức</i>
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN	√	√	√	√	√
2.	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng	√	√			
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Huế	√	√	√	√	
4.	Trường ĐH SP TP Hồ Chí Minh	√	√	√	√	
5.	Trường Đại học Hà Nội	√	√	√	√	√

2. Các chứng chỉ tiếng Anh

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận					
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam PET	BEC Preliminary	BULATS
1.	Educational Testing Service (ETS)		√	√			
2.	British Council (BC)	√					
3.	International Development Program (IDP)	√					
4.	Cambridge ESOL	√			√	√	√

3. Một số thứ tiếng khác

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận					
		<i>tiếng Nga</i>	<i>tiếng Pháp</i>	<i>tiếng Đức</i>	<i>tiếng Trung</i>	<i>tiếng Nhật</i>	<i>tiếng Hàn</i>
		TRKI 1	DELTA B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4	TOPIK 3
1.	Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga	√					
2.	Trung tâm Văn hóa Pháp		√				
3.	Viện Goethe Việt Nam			√			
4.	Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc				√		
5.	Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản					√	
6.	Viện chương trình và đánh giá Hàn Quốc (KICE)						√